TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 7 - 2021
V/v kiện ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm.

2. Ông Nguyễn Quang Thận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 về việc "Kiện ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hoa Đ, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Thôn T, xã P C, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Bá T, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Thôn T, xã P C, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T1, Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền bà Trương Thị N, Phó Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh, theo văn bản ủy quyền số 04/UQ ngày 30/6/2021 (có mặt).

2. Hội Nông dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn T2, Phó chủ tịch Hội Nông dân huyện Phong Điền, theo văn bản ủy quyền số 01-GUQ/HNDH ngày 30/6/2021 (có mặt).

3. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam. Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Quyết T3, Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền Lê Văn T4, Phó Giám đốc Phòng Giao dịch, thuộc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Thừa Thiên Huế theo văn bản ủy quyền số 95A/QĐ-PGĐ ngày 04/6/2021 (có đơn xin vắng mặt).

4. Anh Lê Viết Đ; địa chỉ: 12 H T B, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (có đơn xin vắng mặt).

5. Chị Lê Thị Việt A, sinh năm: 1988; địa chỉ: 169 đường V, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (có đơn xin vắng mặt).

6. Bà Nguyễn Thị H (T5); địa chỉ: Thôn M, xã P C, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (có đơn xin vắng mặt).

7. Bà Huỳnh Thị B; địa chỉ: Thôn C, xã P C, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 05/4/2021, bản tự khai ngày 01/6/2021 nguyên đơn bà Lê Thị Hoa Đ trình bày các vấn đề yêu cầu giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hoa Đ và ông Nguyễn Bá T tự tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Đến ngày 08/4/1995 bà Đ và ông T đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P C, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì nãy sinh bất đồng quan điểm sống, hai người không tìm được tiếng nói chung, bà Đ cho rằng ông T không chịu khó làm ăn, tham gia cờ bạc và thường xuyên bạo hành. Do các con còn nhỏ nên bà Đ chịu đựng để chăm lo cuộc sống của các con. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng đầu tư nuôi bò, nuôi ốc Hương do thiên tai, dịch bệnh nên ngày càng thua lỗ, kinh tế trong gia đình lâm vào cảnh khó khăn nợ nần. Ông T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 11/2020 cho đến nay, bỏ mặt cho bà Đ một mình gánh vác, nên tình cảm vợ chồng ngày càng bế tắc, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, nên bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Đ và ông T có hai người con chung là cháu Nguyễn Thị Kiều A, sinh ngày 06/01/1996 và cháu Nguyễn Lê Nam G, sinh ngày 04/02/2001. Hiện cả hai cháu đều đã trưởng thành trên 18 tuổi, nên bà Đ không yêu cầu giải quyết nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng tạo lập được thửa đất số 91, tờ bản đồ số 32, diện tích 330,9 m^2, tọa lạc tại thôn T, xã P C, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trên đất có một ngôi nhà cấp 4.

Ngoài ra vợ chồng còn có một thửa đất rừng có diện tích 8.311,0 m^2 thửa đất số 55, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại thôn T, xã P C, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Về tài sản chung bà Đ tự thỏa thuận với ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà Đ có vay các khoảng nợ sau

- Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn 170.000.000 đồng.

- Nợ Hội Nông dân huyện Phong Điền 100.000.000 đồng.

- Nợ của anh Lê Viết Đ, địa chỉ 12 H T B, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền 360.000.000 đồng.

- Nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phong Điền 40.000.000 đồng.

- Nợ của chị Lê Thị Việt A, địa chỉ 169 đường V, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền 400.000.000 đồng.

- Nợ của chị Nguyễn Thị H (T5) ở tại thôn M, xã P C, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa thiên Huế, số tiền: 100.000.000 đồng.

- Nợ của chị Hoàng Thị B, địa chỉ: Thôn C, xã P C, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền 60.000.000 đồng.

Nay bà Đ đề nghị Tòa án ghi nhận đây là các khoảng nợ chung của vợ chồng.

- Theo bản tự khai ngày 09/6/2021của bị đơn, ông Nguyễn Bá T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Đ tự tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Đến ngày 08/4/1995 bà Đào và ông T đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P C, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông T cho rằng do vợ chồng không tìm hiểu nhiều về nhau, nên trong cuộc sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thiếu tôn trọng nhau, ngày càng rạn nứt tình cảm nay bà Đ khởi kiện ly hôn thì ông T cũng đồng ý.

Về con chung: Ông T xác nhận hai người có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Kiều A, sinh ngày 06/01/1996 và cháu Nguyễn Lê Nam G, sinh ngày 04/02/2001. Hiện cả hai cháu đều đã trưởng thành trên 18 tuổi, nên ông T không yêu cầu giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T xác nhận vợ chồng có hai thửa đất như bà Đ đã khai, nhưng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T không đồng ý với các khoản nợ:

- Khoản vay của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn là 170.000.000 đồng; Khoản vay của anh Lê Viết Đ là 360.000.000 đồng và Khoản vay của bà Huỳnh Thị B là 60.000.000 đồng. Với lý do cần xác định lại mục đích vay của bà Đ để phục vụ mục đích cá nhân hay phục vụ mục đích gia đình. Còn các khoản nợ còn lại ông T thừa nhận do vợ chồng vay trong thời kỳ hôn nhân để phục vụ cuộc sống gia đình.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình bày: Theo Hợp đồng tín dụng ngày 26/2/2021, tài liệu liên quan khoản vay thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Phong Điền và bà Lê Thị Hoa Đ có ký kết hợp đồng tín dụng số 4001-LVA-202100451 với số tiền vay là 170.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, Vốn vay được người vay cam kết thực hiện việc trả lương hàng tháng, bằng hình thức tín chấp; hiện còn nợ gốc 151.400.000 đồng. Quá trình

vay vốn đến nay người vay thực hiện trả nợ đúng theo kế hoạch cam kết, hàng tháng trả nợ đúng quy định; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn không có yêu cầu khởi kiện độc lập.

- Đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội có ý kiến việc cho bà Đ, ông T vay vốn gồm Chương trình học sinh, sinh viên và Nước sạch nông thôn ngày 20/10/2016 hạn trả hết nợ 20/7/2021 (trong đó vay chương trình sinh viên là 27.500.000 đồng; Chương trình nước sạch là 12.000.000 đồng), tổng số tiền vay 39.500.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 11/6/2021 là 174.000 đồng; Ngân hàng Chính sách xã hội không có yêu cầu khởi kiện độc lập.

- Đại diện Hội Nông dân huyện Phong Điền trình bày: Thực hiện chương trình Quỹ hỗ trợ nông dân cho các hộ vay vốn thực hiện dự án "Nuôi ốc hương thương phẩm". Vào ngày 08/7/2020 Hội Nông dân huyện đã giải ngân cho ông Nguyễn Bá T và ông Lê Viết L vay số tiền là 100.000.000 đồng (do bà Lê Thị Hoa Đ nhận), thời hạn vay là 24 tháng. Từ khi vay đến nay là 11 tháng (08/7/2020 đến 08/6/2021). Ngày 20/10/2020 dự án trên đã yêu cầu nộp phí một lần, thu của bà Đ số tiền là 2.100.000 đồng. Như vậy dự án trên còn thiếu 08 tháng chưa nộp phí theo quy định. Tuy nhiên qua thực tế hộ bà Đ làm ăn thua lỗ. Nên Hội Nông dân huyện Phong Điền đang xem xét gia hạn khoản nợ trên và không có yêu cầu khởi kiện độc lập.

- Đối với những người còn lại là anh Lê Viết Đ, chị Lê Thị Ngọc A, chị Nguyễn Thị H và chị Hoàng Thị B đều có lời khai không yêu cầu giải quyết các khoản nợ mà bà Đ ông T đã vay mượn, và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt họ.

Toà án đã nhiều lần tiến hành hoà giải giữa bà Đ, ông T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhưng hoà giải không thành. Nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận tự nguyện thuận tình ly hôn của bà Lê Thị Hoa Đ với ông Nguyễn Bá T; Về con chung, do các con đều trưởng thành và không ai yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung các bên không yêu cầu nên không xem xét. Về nợ chung đề nghị ghi nhận các khoản nợ chung của vợ chồng với Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phong Điền, Hội Nông dân huyện Phong Điền, chị Lê Thị Việt A và chị Nguyễn Thị H. đối với các khoản nợ khác giữa bà Đ, ông T với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Phong Điền, anh Lê Viết Đ và chị Hoàng Thị B do bà Đào và ông T chưa thống nhất được nên không ghi nhận. Về án phí ly hôn bà Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Hoa Đ và ông Nguyễn Bá T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P C, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 08/4/1995. Điều kiện và thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

[2] Về đánh giá chứng cứ: Theo lời khai của các bên đương sự tại hồ sơ cũng như tại phiên tòa hôm nay cho thấy do việc đầu tư làm ăn thua lỗ xảy ra trong thời kỳ hôn nhân vào năm 2017 và cuối năm 2020 nên bà Đ và ông T ngày càng bất đồng trong cuộc sống vợ chồng, vợ chồng thiếu sự quan tâm chia sẽ khó khăn và tình cảm ngày càng phai nhạt, mâu thuẫn trầm trọng hơn.

[3] Xét tình trạng hôn nhân của bà Đ, ông T: Sau khi làm ăn thua lỗ ông T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 11/2020 cho đến nay, bỏ mặt cho bà Đ một mình gánh vác, nên tình cảm vợ chồng ngày càng bế tắc, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, nay bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông T và ông T cũng đồng ý. Xét tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nghĩ nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đ với ông T.

[4] Về con chung: Do các con điều trưởng thành và có đầy đủ sức khỏe nên bà Đ ông T không ai yêu cầu giải quyết nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Đ và ông T không có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, nên Hội đồng xét xử không xem xét; Về yêu cầu ghi nhận nợ chung của bà Đ, xét thấy quá trình giải quyết nguyên đơn, không yêu cầu chia hoặc giải quyết phần nợ chung, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đều không có yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập, căn cứ Điều 200 và 201 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét về các khoản nợ chung.

Vì vậy, các khoản về tài sản chung, nợ chung, sau khi ly hôn các bên đương sự có yêu cầu khởi kiện thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Buộc bà Lê Thị Hoa Đ phải chịu số tiền án phí giải quyết ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002727, ngày 01/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền. Bà Đ đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Điều 55 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Hoa Đ với ông Nguyễn Bá T.

2. Về con chung: Do các con điều trưởng thanh và có đầy đủ sức khỏe nên bà Đ ông T không ai yêu cầu giải quyết nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, không có yêu cầu chia tài sản hoặc giải quyết phần nợ chung, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đều không có yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét về các khoản tài sản chung và nợ chung.

Sau khi ly hôn các bên đương sự có yêu cầu khởi kiện về tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị Hoa Đ phải chịu số tiền án phí giải quyết ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002727 ngày 01/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền. Bà Đ đã nộp đủ án phí.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- Các đương sự;
- UBND xã P C;
- Lưu: HSVA;
- Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Văn Đạt